

Số: /KH-UBND  
DỰ THẢO

Yên Thế, ngày tháng 6 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý của huyện Yên Thế

Thực hiện Quyết định 798/QĐ-BTC ngày 05/4/2024 của Bộ Tài chính ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý; Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang về Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý của tỉnh Bắc Giang. UBND huyện Yên Thế ban hành kế hoạch thực hiện trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

## A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

### I. Mục đích, yêu cầu

#### 1. Mục đích

Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý (sau đây gọi là Quyết định số 213/QĐ-TTg) và Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh tại các cơ quan, đơn vị thuộc địa bàn huyện Yên Thế.

#### 2. Yêu cầu

- Phổ biến đầy đủ các nội dung Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 798/QĐ-BTC của Bộ Tài chính; Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh đến các cơ quan, đơn vị thuộc địa bàn huyện Yên Thế.

- Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn và tiến độ hoàn thành, trách nhiệm được phân công của các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 798/QĐ-BTC của Bộ Tài chính; Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh để việc tổ chức, triển khai thực hiện các Quyết định bảo đảm nghiêm túc, chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ thời gian, trách nhiệm được phân công, đồng thời phải gắn với nhiệm vụ công tác chuyên môn của cơ quan, đơn vị.

## II. Phạm vi, đối tượng

### 1. Phạm vi

a) Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên phạm vi cả nước, gồm:

- Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (trừ tài sản đặc biệt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tài sản thuộc danh mục bí mật nhà nước), gồm: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (bao gồm cả quyền sử dụng đất xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp), xe ô tô, tài sản cố định đặc thù, tài sản cố định khác.

- Tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý (không bao gồm tài sản do Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí, nguyên vật liệu,... để đầu tư xây dựng), gồm:

+ Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông: đường sắt, đường bộ, hàng không, đường thủy nội địa, hàng hải.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng khu kinh tế.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đê điều.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao ở cơ sở (cấp xã, cấp thôn), làng văn hoá.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật là không gian xây dựng ngầm đô thị.

b) Danh mục loại tài sản kiểm kê cụ thể theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

## **2. Đối tượng thực hiện kiểm kê**

a) Đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công: Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) đang quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý: Đối tượng (cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và đối tượng khác) đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý,

## **B. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

- Thành lập Ban chỉ đạo và tổ giúp việc BCD kiểm kê cấp huyện để chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong việc thực hiện kiểm kê tài sản (*đã thực hiện*).

- Trên cơ sở kế hoạch kiểm kê của huyện; đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện bảo đảm theo đúng tiến độ.

- Tổ chức tập huấn kiểm kê (theo Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung cụ thể, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thời hạn phải hoàn thành và kịp thời xử lý những vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện tổng kiểm kê.

- Thực hiện việc báo cáo kết quả kiểm kê, chỉ đạo thực hiện xử lý các nội dung liên quan phát sinh trong quá trình kiểm kê.

### **C. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ**

**I. Tổng kiểm kê đối với tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính**

#### **1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản**

- Tiếp tục cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu tài sản công; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023, năm 2024 theo các nội dung yêu cầu tại Công văn số 48/UBND-TCKH ngày 04/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện; thường xuyên cập nhật đầy đủ dữ liệu trên phần mềm quản lý tài sản; tập hợp đầy đủ các hồ sơ làm căn cứ ghi tăng, giảm tài sản theo quy định; đảm bảo khớp đúng giữa tài sản trên sổ sách với tài sản đơn vị đang thực tế quản lý, sử dụng.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thành lập Tổ kiểm kê và thực hiện kiểm kê tài sản thuộc phạm vi kiểm kê do mình đang trực tiếp quản lý kể cả tài sản tạm quản lý và chịu trách nhiệm về số liệu kiểm kê theo Đề án, hướng dẫn của Bộ Tài chính và hướng dẫn của UBND tỉnh, huyện.

- Rà soát, cập nhật đầy đủ số liệu về tài sản kiểm kê vào phần mềm Tổng kiểm kê (sẽ tổ chức tập huấn hướng dẫn theo chỉ đạo của Bộ Tài chính và Sở Tài chính).

- Báo cáo kết quả kiểm kê gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) hoặc UBND cấp huyện. Thời gian hoàn thành: **trước 30/3/2025**.

**2. UBND các xã, thị trấn:** Ngoài các nội dung nhiệm vụ tại mục 1, UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm phối hợp với Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cấp huyện thực hiện công tác tổng kiểm kê đối với các đơn vị nằm trên địa bàn.

#### **3. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

- Căn cứ văn bản triển khai thực hiện đề án của Trung ương, của tỉnh, Kế hoạch tổng kiểm kê của huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch có văn bản hướng dẫn chi tiết thực hiện kiểm kê, cách thức tổng hợp kết quả kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Thời gian hoàn thành: Theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Tổng hợp kết quả tổng kiểm kê toàn huyện, tham mưu UBND huyện báo cáo gửi Sở Tài chính **trước ngày 30/4/2025**.

## **II. Tổng kiểm kê đối với tài sản kết cấu hạ tầng**

### **1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do nhà nước đầu tư, quản lý**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do nhà nước đầu tư, quản lý có trách nhiệm thành lập Tổ kiểm kê và thực hiện kiểm kê tài sản thuộc phạm vi kiểm kê do mình đang trực tiếp quản lý/tạm quản lý và chịu trách nhiệm về số liệu kiểm kê theo Đề án, hướng dẫn của Bộ Tài chính và hướng dẫn của UBND tỉnh, huyện.

Rà soát, cập nhật đầy đủ số liệu về tài sản kiểm kê vào phần mềm Tổng kiểm kê (sẽ tổ chức tập huấn hướng dẫn theo chỉ đạo của Bộ Tài chính, Sở Tài chính). Báo cáo kết quả kiểm kê gửi cơ quan quản lý chuyên ngành (theo khoản 2 mục II phần C Kế hoạch này). **Thời gian hoàn thành: trước 30/3/2025**.

### **2. Các cơ quan quản lý chuyên ngành**

2.1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản là không gian xây dựng ngầm đô thị, tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị; tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ, tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; tiến hành kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, tài sản kết cấu hạ tầng khu kinh tế... Tiến hành kiểm kê; tổng hợp kết quả kiểm kê các tài sản kết cấu hạ tầng nêu trên thuộc huyện quản lý.

2.2. Phòng Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn; tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đê điều... Tiến hành kiểm kê; tổng hợp kết quả kiểm kê các tài sản kết cấu hạ tầng nêu trên thuộc huyện quản lý.

2.3. Phòng Văn hoá và Thông tin hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung (nếu có), thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao ở cơ sở (cấp xã, cấp thôn), làng văn hoá... Tiến hành kiểm kê; tổng hợp kết quả kiểm kê các tài sản kết cấu hạ tầng nêu trên thuộc huyện quản lý.

### **3. Các cơ quan quản lý chuyên ngành (theo phân công tại khoản 2 mục II phần C Kế hoạch này)**

- Căn cứ văn bản triển khai thực hiện đề án của tỉnh, Kế hoạch tổng kiểm kê của huyện, các phòng chuyên môn (**theo phân công tại khoản 2 mục II phần C Kế hoạch này**) tham mưu Chủ tịch UBND huyện có văn bản đôn đốc, hướng dẫn đối tượng thực hiện kiểm kê là các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện theo chuyên ngành quản lý thành lập Tổ kiểm kê, triển khai thực hiện kiểm kê, cập nhật đầy đủ số liệu vào phần mềm Tổng kiểm kê và tổng hợp, gửi báo cáo theo đúng thời hạn nêu trên.

- Có văn bản hướng dẫn chi tiết thực hiện kiểm kê, cách thức tổng hợp kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng do nhà nước đầu tư, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác đang quản lý.

- Tổng hợp kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý; tham mưu UBND huyện báo cáo về các Sở quản lý chuyên ngành theo khoản 3 mục II phần C Kế hoạch số 29/KH-UBND của UBND tỉnh. **Thời gian xong trước ngày 15/4/2025.**

**4. Phòng Tài chính - Kế hoạch:** Có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành và các cơ quan liên quan để tổ chức triển khai các nội dung tổng kiểm kê đối với tài sản kết cấu hạ tầng trên địa bàn huyện đảm bảo nội dung nhiệm vụ, tiến độ theo Kế hoạch đề ra.

#### **D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn căn cứ nội dung tại Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch này để triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, nội dung yêu cầu đề ra; chịu trách nhiệm trước UBND huyện trong việc triển khai thực hiện Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch này.

2. Việc triển khai Kế hoạch phải được thực hiện bằng nhiều phương pháp, hình thức phù hợp, gắn với việc thực hiện công tác chuyên môn của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch: Thực hiện theo quy định tại phần VI Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Trong năm 2024, Phòng Tài chính - Kế hoạch và các cơ quan quản lý chuyên ngành đối với tài sản kết cấu hạ tầng có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch UBND huyện, Ban chỉ đạo kiểm kê cấp huyện thực hiện rà soát tiến độ kiểm kê, cập nhật tài sản trên phần mềm theo dõi tài sản đối với tài sản thuộc đối tượng tổng kiểm kê theo Đề án để tạo thuận lợi cho công tác tổng kiểm kê trên địa bàn huyện vào đầu năm 2025.

Trên đây là Kế hoạch Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý của huyện Yên Thế. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND các xã, thị trấn phản ánh về Phòng Tài chính - Kế hoạch theo địa chỉ Email: [taichinhkh\\_yenthe@bacgiang.gov.vn](mailto:taichinhkh_yenthe@bacgiang.gov.vn) để tổng hợp, báo cáo UBND huyện xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Ủy ban MTTQ huyện;
- Các cơ quan thuộc UBND huyện;
- Các đơn vị dự toán ngân sách cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Tuyên**

**Phụ lục: DANH MỤC TÀI SẢN TỔNG KIỂM KÊ**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /6/2024 của UBND huyện Yên Thế)

**A. Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị**

## 1.1. Đất

1. Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, gồm:

## 1.2. Nhà

1.3. Công trình điện chưa chuyển giao cho đơn vị điện lực

1.4. Công trình khác gắn liền với đất

## 2. Vật kiến trúc

## 3. Xe ô tô

4. Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)

## 5. Máy móc, thiết bị

6. Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm

## 7. Tài sản cố định đặc thù

9. Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)

## 8. Tài sản cố định hữu hình khác

**B. Tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý**

## 1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

## 1.1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

a) Đường sắt (đường chính tuyến, đường ngang, đường nhánh, đường ga).

b) Cầu đường sắt

c) Hàm đường sắt

d) Cống đường sắt

đ) Nền đường sắt

e) Ga đường sắt (nhà ga, kho ga, ke ga,...)

g) Hệ thống cấp, thoát nước

h) Hệ thống thông tin tín hiệu

1) Hệ thống cấp điện

k) Công trình, hạng mục khác

## 1.2. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị

a) Đường sắt (đường chính tuyến, đường ngang, đường nhánh, đường ga)

b) Cầu đường sắt

c) Nền đường sắt

d) Ga đường sắt (nhà ga, kho ga,...)

4) Hệ thống thu tiền vé tự động (AFC)

e) Hệ thống thang máy, thang cuốn

g) Hệ thống thông tin tín hiệu

- h) Công trình, hạng mục khác
  - 2. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
    - 2.1. Đường và tài sản, thiết bị chuyên dùng, công trình phụ trợ gắn liền với đường
    - 2.2. Cầu đường bộ và tài sản, thiết bị chuyên dùng, công trình phụ trợ gắn liền với cầu đường bộ
    - 2.3. Hàm đường bộ và tài sản, thiết bị chuyên dùng, công trình phụ trợ gắn liền với hàm đường bộ
    - 2.4. Bến phà đường bộ và tài sản, thiết bị chuyên dùng, công trình phụ trợ gắn liền với bến phà đường bộ
    - 2.5. Trạm kiểm tra tải trọng xe
    - 2.6. Trạm thu phí đường bộ
    - 2.7. Bến xe
    - 2.8. Bãi đỗ xe
    - 2.9. Nhà hạt quản lý đường bộ
    - 2.10. Trạm dừng nghỉ
    - 2.11. Kho bảo quản vật tư dự phòng
    - 2.12. Trung tâm quản lý và giám sát giao thông (Trung tâm ITS)
      - a) Nhà quản lý hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin
      - b) Vật kiến trúc
      - c) Máy móc, thiết bị phụ trợ phục vụ hoạt động của Trung tâm ITS
    - 2.13. Trung tâm cứu hộ, cứu nạn giao thông đường bộ
      - a) Nhà, công trình phục vụ cứu hộ, cứu nạn giao thông đường bộ
      - b) Vật kiến trúc phục vụ cứu hộ, cứu nạn giao thông đường bộ
      - c) Phương tiện, thiết bị phục vụ cứu hộ, cứu nạn giao thông đường bộ
    - 2.14. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ khác
  - 3. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không
    - 3.1. Đường cất hạ cánh
    - 3.2. Đường lăn
    - 3.3. Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không, khẩn nguy sân bay (bốt gác, cổng cửa, hàng rào khu bay, đường giao thông trong khu vực sân bay, hệ thống chiếu sáng,...)
    - 3.4. Hệ thống thông tin tín hiệu bay
    - 3.5. Tải sản kết cấu hạ tầng hàng không khác
  - 4. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
    - 4.1. Luồng chạy tàu thuyền
    - 4.2. Âu tàu
    - 4.3. Công trình đưa phương tiện qua đập, thác trên sông, kênh, rạch
    - 4.4. Căng thủy nội địa

- 4.5. Bến thủy nội địa
- 4.6. Khu neo đậu ngoài cảng
- 4.7. Kè, cáp giao thông
- 4.8. Báo hiệu đường thủy nội địa
- 4.9. Các công trình, thiết bị phụ trợ (nhà trạm quản lý đường thủy nội địa, trạm AIS và hệ thống quản lý, giám sát, truyền dữ liệu kèm theo, thủy chỉ hoặc trạm đọc mức nước tự động)
- 4.10. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa khác
- 5. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải
  - 5.1. Cầu cảng
  - 5.2. Luồng hàng hải
  - 5.3. Trụ sở, cơ sở dịch vụ, kho, bãi, nhà xưởng và các công trình phụ trợ khác trong khu vực bến cảng
  - 5.5. Đèn biển và nhà trạm gắn với đèn biển
  - 5.4. Hệ thống thông tin giao thông, thông tin liên lạc và hệ thống điện, nước trong khu vực bến cảng
  - 5.6. Phao, tiêu và nhà trạm quản lý vận hành phao, tiêu
  - 5.7. Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS)
  - 5.8. Đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ
  - 5.9. Khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển
  - 5.10. Nhà cửa, vật kiến trúc và các công trình phụ trợ, máy móc, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho hoạt động của hệ thống Thông tin duyên hải Việt Nam
  - 5.11. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải khác
- 6. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch
  - 6.1. Hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh
  - 6.2. Công trình khai thác nước
  - 6.3. Công trình xử lý nước
  - 6.4. Mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch
  - 6.5. Thiết bị đo đếm nước
  - 6.6. Công trình phụ trợ có liên quan
- 7. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
  - 7.1. Đập (không bao gồm đập của hồ chứa nước)
  - 7.2. Hồ chứa nước
  - 7.3. Cống (không bao gồm cống của đập, cống của hồ chứa nước, cống dưới kênh, dưới đê)
  - 7.4. Trạm bơm
  - 7.5. Hệ thống dẫn, chuyển nước
  - 7.6. Kè, bờ bao thủy lợi

- 7.7. Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi (Nhà quản lý, đường quản lý, kho, bãi vật tư, thiết bị quan trắc, cột mốc chỉ giới, biển báo,...)
- 7.8. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi khác
- 8. Tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ
  - 8.1. Nhà lồng chợ và các công trình có mái che
  - 8.2. Hệ thống kỹ thuật chợ
  - 8.3. Công trình khác trong phạm vi chợ
- 9. Tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp
  - 9.1. Nhà, công trình phục vụ quản lý trong cụm công nghiệp
  - 9.2. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp
  - 9.3. Công trình khác trong phạm vi cụm công nghiệp
- 10. Tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghiệp
  - 10.1. Nhà, công trình phục vụ quản lý trong khu công nghiệp
  - 10.2. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghiệp
  - 10.3. Công trình khác trong phạm vi khu công nghiệp
- 11. Tài sản kết cấu hạ tầng khu kinh tế
  - 11.1. Nhà, công trình phục vụ quản lý trong khu kinh tế
  - 11.2. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của khu kinh tế
  - 11.3. Công trình khác trong phạm vi khu kinh tế
- 12. Tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao
  - 12.1. Nhà, công trình phục vụ công lý trong khu công nghệ cao
  - 12.2. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghệ cao
  - 12.3. Công trình khác trong phạm vi khu công nghệ cao
- 13. Tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung
  - 13.1. Nhà, công trình phục vụ quản lý khu công nghệ thông tin tập trung
  - 13.2. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghệ thông tin tập trung
  - 13.3. Hệ thống thiết bị gắn với công trình trong khu công nghệ thông tin
  - 13.4. Công trình khác trong phạm vi khu công nghệ thông tin tập trung
- 14. Tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đê điều
  - 14.1. Đê
  - 14.2. Kè bảo vệ đê
  - 14.3. Cống qua đê
  - 14.4. Công trình phụ trợ đê
- 15. Tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá
  - 15.1. Cầu cảng
  - 15.2. Nhà, công trình phục vụ hoạt động của cảng cá
  - 15.3. Khu neo đậu, khu chuyển tải

- 15.4. Luồng vào cảng cá
- 15.5. Tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá khác.
- 16. Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao, làng văn hoá
  - 16.1. Thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao
    - a) Trung tâm văn hóa thể thao cấp xã
    - b) Nhà văn hóa - khu thể thao cấp thôn
    - c) Thư viện công cộng cấp xã
  - 16.2. Hệ thống hạ tầng trong làng văn hóa
    - a) Đường giao thông nội bộ
    - b) Tài sản kết cấu hạ tầng khác
- 17. Tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật là không gian xây dựng ngầm đô thị
  - 17.1. Công trình 6 công cộng ngầm (không phải là phần ngầm của các công trình trên đất)
  - 17.2. Công trình đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật
  - 17.3. Hào kỹ thuật
  - 17.4. Tuynel kỹ thuật.

---